

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

CHỨNG THỰC BẢN SẠO đúng với BẢN CHÍNH  
Ngày: 27/09/2016  
Số chứng thực: 2.2347/09



CHỦ TỊCH  
*Là Thị Thanh Huyền*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 47



XUẤT BẢN TẠI HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ NỘI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102030405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Xuân Dũng	Chủ tịch
Ông: Nghiêm Sĩ Minh	Thành viên
Ông: Nguyễn Minh Cương	Thành viên
Ông: Nguyễn Đỗ Quý	Thành viên
Ông: Đậu Văn Diện	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015)
Ông: Đậu Văn Diện	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015)
Ông: Nguyễn Minh Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Mai Trung Huân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đào Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Dương Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Đỗ Quý	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Đinh Công Thụy	Trưởng ban
Bà: Võ Thị Thu Hương	Thành viên
Ông: Dương Mạnh Hùng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đậu Văn Diện  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 05 năm 2016



Số: 1509/2016/BC.KTTC-AASC.KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP được lập ngày 20 tháng 05 năm 2016, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2015, số dư công nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận khoảng 407 tỷ đồng, số dư công nợ phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận khoảng 264 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của các khoản công nợ chưa đối chiếu. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của các khoản mục nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



- Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 15/8/2014. Các công ty con, công ty liên kết không lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 15/8/2014 đến ngày 31/12/2014 nên Tổng Công ty không đủ cơ sở để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này. Điều này cũng dẫn đến việc Tổng Công ty không thể trình bày được số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.
- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc do chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư này.
- Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác với tổng giá trị khoản đầu tư là: 60,54 tỷ đồng.

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Nội - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề xác nhận công nợ, kỳ kế toán và các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết. Các vấn đề này vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty nên kiểm toán viên tiếp tục nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề này.



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0063-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2016

**Hoàng Thị Thu Hương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0899-2013-002-1

THUỘ  
CÓ  
CHỈ  
NG K  
A  
V KIẾ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		6.245.353.716.923	5.797.261.441.970
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	386.674.000.753	305.460.127.390
111	1. Tiền		340.015.360.952	305.460.127.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.658.639.801	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	8.414.046.479	8.414.046.479
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.414.046.479	8.414.046.479
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.592.997.302.176	2.769.553.098.074
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.777.184.717.167	1.655.047.444.408
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	341.988.855.642	650.833.782.485
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	07	523.555.647.254	513.906.933.455
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(49.731.917.887)	(50.235.062.274)
140	IV. Hàng tồn kho	09	2.229.777.203.175	2.698.086.652.970
141	1. Hàng tồn kho		2.229.777.203.175	2.698.086.652.970
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.491.164.340	15.747.517.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.104.763.116	6.070.442.517
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.881.732.708	9.647.632.828
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	9.504.668.516	29.441.712
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		2.235.706.202.731	2.077.946.584.374
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.631.678.000	4.106.188.000
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	3.000.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	07	2.631.678.000	1.106.188.000
220	II. Tài sản cố định		79.722.209.652	193.008.258.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	76.184.511.749	189.355.305.654
222	- Nguyên giá		227.025.524.526	346.646.825.187
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.841.012.777)	(157.291.519.533)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3.537.697.903	3.652.952.903
228	- Nguyên giá		4.186.700.000	4.186.700.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(649.002.097)	(533.747.097)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	272.638.376.230	175.754.479.493
231	- Nguyên giá		312.600.019.336	203.975.211.322
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.961.643.106)	(28.220.731.829)

III  
JON  
HPT  
MGK  
A  
AN  
1106  
GTY  
EM HUU H  
EM TOA  
SC  
TP HA

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		520.551.686.427	354.905.105.974
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	520.551.686.427	354.905.105.974
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.138.963.957.040	1.106.811.019.583
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		896.191.366.403	1.081.233.879.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		242.772.590.637	25.577.140.083
260	VI. Tài sản dài hạn khác		221.198.295.382	243.361.532.767
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	218.261.881.632	241.720.065.017
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32	2.936.413.750	1.641.467.750
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.481.059.919.654</b>	<b>7.875.208.026.344</b>

02/12/2015  
02/12/2015





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	31/12/2015		01/01/2015	
		VND		VND	
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	6.591.400.540.219		6.053.843.194.873	
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	5.482.739.589.909		5.388.710.696.124	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.128.578.300.109	1.019.447.682.645	
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.016.892.659.971	1.110.948.813.454	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.063.913.641.742	1.187.351.738.021	
314	4. Phải trả người lao động		43.000.182.787	49.490.200.495	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.168.239.332.606	942.120.703.196	
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	2.920.498.421	
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		32.772.728	-	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	20	242.116.294.023	243.021.933.264	
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	811.204.346.057	803.816.375.016	
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		604.800.000	17.328.633.934	
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.157.259.886	12.264.117.678	
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		1.108.660.950.310	665.132.498.749	
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	552.239.575.085	293.557.294.092	
337	7. Phải trả dài hạn khác	20	1.000.000.000	-	
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	554.571.375.225	370.725.204.657	
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		850.000.000	850.000.000	
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		1.889.659.379.435	1.821.364.831.471	
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	1.889.659.379.435	1.821.364.831.471	
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000	
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000	
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		2.244.130.000	2.244.130.000	
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		204.529.542.622	204.529.542.622	
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		34.212.015.469	27.455.997.934	
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		117.536.210.993	58.337.975.064	
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.343.042.249	(3.691.786.804)	
421b	LNST chưa phân phối năm nay		103.193.168.744	62.029.761.867	
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		120.657.480.351	118.317.185.851	
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.481.059.919.654</b>	<b>7.875.208.026.344</b>	

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Quang

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đậu Văn Diện

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015
			VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.846.093.597.444
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.846.093.597.444
11	4. Giá vốn hàng bán	24	3.586.536.848.968
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		259.556.748.476
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	45.914.708.175
22	7. Chi phí tài chính	26	53.077.461.017
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		52.303.572.100
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-
25	9. Chi phí bán hàng		-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	118.145.553.736
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		134.248.441.898
31	12. Thu nhập khác	29	32.372.575.409
32	13. Chi phí khác	30	22.601.355.221
40	14. Lợi nhuận khác		9.771.220.188
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		144.019.662.086
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	32.879.634.941
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(1.294.946.000)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		112.434.973.145
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		103.193.168.744
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.241.804.401
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	732

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Quang

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đậu Văn Diện

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		144.019.662.086
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.362.008.994
03	- Các khoản dự phòng		(17.226.978.321)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(42.603.158.289)
06	- Chi phí lãi vay		52.303.572.100
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		164.855.106.570
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(817.076.005.407)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		468.309.449.795
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		342.384.745.213
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27.423.862.786
14	- Tiền lãi vay đã trả		(49.629.454.984)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.845.780.260)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.000.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.881.104.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.540.819.213
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(175.289.409.887)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.991.650.792
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(41.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.100.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.798.258.929
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(177.507.803.459)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.251.508.987.227
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.059.592.329.618)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.735.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		160.180.857.609



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015
			VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		81.213.873.363
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		305.460.127.390
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>386.674.000.753</u>

Lập, ngày 03 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Đương Ngọc Quang

Đạm Văn Diện



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP là Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội trước đây là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 08 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.410.480.000.000 đồng; tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, kinh doanh bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình hữu ích;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý và vận hành nhà chung cư.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị	Dự án Khu Đoàn Ngoại Giao – Xuân Đình – Từ Liêm – Hà Nội	Quản lý dự án
Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở	Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Quản lý, vận hành dự án
Công ty Xây dựng Quốc tế	Số B3B - Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Xây dựng
Trung Tâm Điều hành và Quản lý dự án	Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội	Xây dựng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 11 đường D1, phường 25, Bình Thạnh, TP. HCM	Xây dựng
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Hancorp1	Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội	Xây dựng
Trung tâm tư vấn Khoa học Công nghệ Đào tạo và Xuất nhập khẩu (Hantech)	Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Tư vấn

#### Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 07
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 07;
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0.



- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Số 59 - Phố Quang Trung - TP Hà Nội	50,36%	50,36%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Số 9/12 Đặng Thai Mai - Tây Hồ - Hà Nội	50,09%	50,09%	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ Thương mại và Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Xã Quảng Thịnh - Quảng Xương - Thanh Hoá	51,49%	51,49%	Xây dựng, Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	63,64%	63,64%	KD Bất động sản, tư vấn môi giới ....
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	95,52%	95,52%	Sản xuất bê tông, Vật liệu Xây dựng; Xây dựng.
Công ty TNHH MTV Hancorp 3 (*)	Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xây dựng
Công ty TNHH MTV Hantech (**)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Tư vấn

(\*): Theo Quyết định số 565/QĐ-HĐQT ngày 18/05/2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, từ ngày 01 tháng 08 năm 2015 Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP chuyển sang mô hình công ty TNHH Một thành viên với tên gọi là Công ty TNHH MTV Hancorp3 do Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP làm chủ sở hữu.  
Công ty TNHH MTV Hantech đã được cấp đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0313353719 ngày 17/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là: 20 tỷ đồng.

(\*\*): Theo Quyết định số 574/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 Trung tâm Tư vấn Khoa học Công nghệ Đào tạo và Xuất nhập Khẩu là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP chuyển sang mô hình công ty TNHH Một thành viên với tên gọi là Công ty TNHH MTV Hantech do Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP làm chủ sở hữu.  
Công ty TNHH MTV Hantech đã được cấp Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0106887159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2015 với vốn điều lệ là: 10 tỷ đồng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 40.

## 2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được thành lập mới trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày thành lập công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc do Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP.

## 2.5. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không khấu hao
- Phần mềm quản lý	05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
--------------------------	-------------

## 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

## 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

### 2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán năm được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### 2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

### 2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

## 2.19. Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính riêng mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**2.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.155.331.470	8.766.901.819
Các khoản tương đương tiền	332.860.029.482	296.693.225.571
	46.658.639.801	-
	<u>386.674.000.753</u>	<u>305.460.127.390</u>

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,5 %/năm.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.414.046.479	8.414.046.479	8.414.046.479	8.414.046.479
	8.414.046.479	8.414.046.479	8.414.046.479	8.414.046.479
	<u>8.414.046.479</u>	<u>8.414.046.479</u>	<u>8.414.046.479</u>	<u>8.414.046.479</u>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được giữ lại 10% để bảo lãnh thực hiện hợp đồng và coi như khoản tiền gửi 3 tháng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	896.191.366.403	-	1.081.233.879.500	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	17.841.887.253	-	17.841.887.253	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	41.757.189.732	-	41.757.189.732	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	11.400.506.542	-	11.400.506.542	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	10.863.949.071	-	10.863.949.071	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	59.604.971.098	-	59.604.971.098	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	2.244.173.656	-	2.244.173.656	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	18.695.369.553	-	18.695.369.553	-
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	51.818.406.376	-	51.818.406.376	-
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	31.428.272.459	-	31.428.272.459	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	17.281.041.756	-	17.281.041.756	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	7.867.733.945	-	7.867.733.945	-
Công ty Cơ khí và Xây lắp	79.244.845.069	-	79.244.845.069	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	2.845.200.000	-	2.845.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc Tế VIGEB A	149.555.309.131	-	149.555.309.131	-
	66.276.227.500	-	66.276.227.500	-

**Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**  
57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	19.022.197.262	-	19.022.197.262	-
Công ty Cổ phần Đầu tư đèo Cả	175.218.750.000	-	175.218.750.000	-
Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	89.810.336.000	-	89.810.336.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	3.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	-	-	51.566.075.595	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	-	-	5.742.136.341	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	-	-	10.396.438.618	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	-	-	8.847.062.543	-
Công ty Cổ phần Sahabak	-	-	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	-	-	83.990.800.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	-	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vạn Xuân	30.800.000.000	-	30.800.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hamco-CC2	5.610.000.000	-	5.610.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Nam	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Tây Hồ	1.725.000.000	-	1.725.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tây hồ Bách	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>242.772.590.637</b>	-	<b>25.577.140.083</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	51.566.075.595	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	10.396.438.618	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	3.488.318.859	-	3.488.318.859	-
Công ty Cổ phần Sahabak	32.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	5.742.136.341	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ)	83.990.800.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-Vinaconex	1.474.200.000	-	1.474.200.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	8.532.432.600	-	8.532.432.600	-
Công ty Chứng khoán Dầu khí	690.000.000	-	690.000.000	-
Công ty Cổ phần Gas Đô thị	1.613.940.000	-	1.613.940.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội (Investco 1)	1.695.579.072	-	1.695.579.072	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1	3.216.224.000	-	3.216.224.000	-
Đất Động Mô	320.985.552	-	320.985.552	-
Hầm Tam Đào	45.460.000	-	45.460.000	-
	<b>1.138.963.957.040</b>	-	<b>1.106.811.019.583</b>	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Lô B12/D6 Khu ĐTM Cầu Giấy - Hà Nội	37,08%	37,08%	Sản xuất và kinh doanh bê tông đúc sẵn. Xây dựng, bắt động sản
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Số 198 - Phố Nguyễn Tuân - Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Phường Nhân Chính Thanh Xuân - Hà Nội	30,61%	30,61%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Số 145 - Đốc Ngữ - Ba Đình - TP Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	243 A La Thành - Láng Thượng - Hà Nội	25,86%	25,86%	Tư vấn, Xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Tầng 1-2 Nhà B5 - Làng Quốc tế Thăng Long	36,00%	36,00%	Tư vấn, thiết kế
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	31 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	28,07%	28,07%	Xây dựng, sản xuất bê tông
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Số 205 Lê Duẩn - Nghệ An	32,57%	32,57%	Xây dựng, sản xuất mua bán Vật liệu Xây dựng
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Xã Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội	28,05%	28,05%	Sản xuất bê tông, Xây dựng
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Số 2A- Ngõ 85 Hạ Đình- Thanh Xuân - Hà Nội	28,53%	28,53%	Xây dựng, kinh doanh Vật liệu Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Quảng Ngãi	22 Quang Trung - Lê Hồng Phong - Quảng Ngãi	26,09%	26,09%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	48 Láng Hạ - Cầu Giấy - Hà Nội	39,33%	39,33%	Xây dựng, bắt động sản, tư vấn.
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Km 1 Quốc lộ 3- xã Mai Lâm- Đông Anh- Hà Nội	29,95%	29,95%	Cơ khí và Xây dựng
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Số 192 - Đường Ba La - Thị xã Hà Đông - Hà Tây	24,93%	24,93%	Sản xuất Xi măng

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP  
57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Quốc Tế VIGIBA	Số 45 C Giảng Võ - Ba Đình- Hà Nội	29,44%	29,44%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	Số 98 Hồng Liên - Thanh Xuân- Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây dựng, buôn bán Vật liệu Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Làng Quốc tế Thăng Long - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng, Bất động sản; Tư vấn, quản lý Bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	57 Quang Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội	16,25%	16,25%	Đầu tư dự án Hầm đường bộ qua Đèo Cả.
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	243 Giải phóng - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội	26,32%	26,32%	KD Bất động sản; Xây dựng hạ tầng đô thị
Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	Số 3 Phó Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội	21,51%	21,51%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Hà Nội	25,00%	25,00%	Tư vấn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vạn Xuân	Hải Phòng	21,80%	21,80%	KD Bất động sản
Công ty TNHH Xây dựng Hamco-CC2	Hà Nội	30%	30%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Nam	Hà Nội	20%	20%	Du lịch

Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5 từ các cổ đông sáng lập với giá trị 3,5 tỷ đồng. Còn các trường hợp còn lại là do phân loại sang đầu tư dài hạn khác.

**Đầu tư vào đơn vị khác:**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Số 201 Võ Thị Sáu - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh	19,75%	19,75%	Bất động sản, xây dựng
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Số 243 La Thành - Đống Đa - Hà Nội	19,66%	19,66%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	Việt Nam	1,52%	1,52%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Sahabak	Chợ mới - Bắc Kạn	12,00%	12,00%	Sản xuất và chế
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Ngõ 44 Hàm Tử Quan - Chương Dương - Hà Nội	18,11%	18,11%	Thi công san nền, Xây dựng, tư vấn
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà	Hà Nội	1,50%	1,50%	Đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ)	Số 201 Võ Thị Sáu - quận 3 - TP HCM	11,27%	11,27%	Đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Đà Nẵng	10,00%	10,00%	
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-Vinaconex	Hà Nội	2,95%	2,95%	Xây lắp





**Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**  
57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Hà Nội	1,68%	1,68%	Bảo hiểm
Công ty Chứng khoán Dầu khí	Hà Nội	0,20%	0,20%	Chứng khoán
Công ty Cổ phần Gas Đô thị	Hà Nội	1,45%	1,45%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội (Investco 1)	Hà Nội	6,08%	6,08%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	Tuyên Quang	15,00%	15,00%	Thủy điện
Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1				

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác:

Trong năm Tổng Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng. Các trường hợp còn lại đều tăng do phân loại lại.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Bộ Công an (Công trình trụ sở Bộ Công an)	165.728.409.000	165.560.126.000
- Trần Thị Mai Anh	26.880.315.000	-
- Nguyễn Xuân Đạo	26.640.740.000	-
- Hồ Minh Hoàng	27.113.045.000	-
- Nguyễn Mạnh Hùng	56.341.195.000	-
- Nguyễn Thảo Hiền	27.804.390.000	-
- Vũ Thị Hương	27.818.080.000	-
- Ngô Thị Loan	30.857.260.000	-
- Lê Xuân Trường	26.805.020.000	-
- Nguyễn Anh Thư	27.961.825.000	-
- Phạm Ngọc Thanh	27.414.225.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Bắc Hà	11.650.943.026	179.480.887
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	21.217.540.943	3.786.258.698
- Văn phòng điều hành The Zenkata Corporation	53.798.921.240	40.016.559.326
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia	28.338.626.440	28.338.626.440
- Công ty Cổ phần Tid Ban quản lý dự án Dolphin Plaza	39.994.017.128	21.927.558.489
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	20.036.259.621	23.693.184.426
- Công ty TNHH Tùng Bách	56.000.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.074.783.904.769	1.371.545.650.142
	<b>2.777.184.717.167</b>	<b>1.655.047.444.408</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	<b>69.555.100.637</b>	<b>50.382.756.017</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH AZBIL Việt Nam	8.965.646.586	6.048.119.484
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	7.933.928.201	415.763.527
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	11.313.781.923	9.549.939.546
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thành Nam	8.247.778.000	8.247.778.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	9.434.413.550	3.677.731.550
- Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	32.397.108.866	31.142.009.563
- Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	8.497.524.038	3.418.360.740
- Các khoản phải thu khách hàng khác	255.198.674.478	588.334.080.075
	<b>341.988.855.642</b>	<b>650.833.782.485</b>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hoá	216.564.789.734	-	216.564.789.734	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	4.637.444.209	-	9.583.599.949	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	17.302.131.230	-	17.589.081.030	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp: cổ tức, tiền ứng trước thi công công trình, phí quản lý, phí bảo lãnh...	6.134.871.249	-	4.665.865.089	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	24.768.759.161	-	23.338.199.161	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng số 2: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	7.062.482.770	-	13.096.283.078	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	13.115.799.524	-	14.440.341.115	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Trung đô: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	27.381.490.878	-	28.775.744.878	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả: Phải thu tiền lãi ứng trước...	1.318.860.903	-	1.318.860.903	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Trung đô: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	3.000.000.000	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	35.480.197.002	-	33.939.086.002	-
- Công ty Cổ phần KD vật tư & Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	7.152.539.115	-	7.152.539.115	-
- Công ty Cổ phần Lạc Hồng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước	1.023.161.793	-	53.463.538	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước	5.211.689.585	-	5.386.789.585	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	2.036.125.639	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	6.473.927.000	-	6.473.927.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển KT xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	413.450.833	-	1.792.390.957	-



Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP  
57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị và KCN: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	816.219.407	-	575.875.401	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước	2.449.520.417	-	2.314.740.417	-
- Tạm ứng	47.119.996.457	-	49.098.728.272	-
- Các khoản phải thu khác	82.603.888.468	-	73.585.162.790	-
- Ký cược, ký quỹ	11.488.301.880	-	4.161.465.441	-
	<b>523.555.647.254</b>	-	<b>513.906.933.455</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	2.631.678.000	-	1.106.188.000	-
	<b>2.631.678.000</b>	-	<b>1.106.188.000</b>	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Xà phòng Hà Nội	373.823.902	-	373.823.902	-
Dự án Vinaline	5.159.129.972	-	5.159.129.972	-
Nhà máy tôn mạ kẽm LILAMA	1.426.977.352	-	1.426.977.352	-
Bưu điện Hà Tĩnh	1.284.403.992	-	1.284.403.992	-
Nhà hát lớn Thành phố Hà Nội	1.180.080.694	-	1.180.080.694	-
Trường Hoa Sữa	1.835.872.540	-	1.835.872.540	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây Dựng	148.513.000	-	148.513.000	-
Nhà máy Đền Hanel	2.004.697.022	-	2.004.697.022	-
Công ty 59 BQP (Máy BBT)	190.000.000	-	190.000.000	-
Viện nhi trung Ương	2.002.341.540	-	2.002.341.540	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát	227.009.480	-	227.009.480	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng	185.725.000	-	185.725.000	-
Công ty TNHH Đông Quang (TTBT)	113.285.000	-	113.285.000	-
Dự án 535 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	7.439.869.743	-	7.439.869.743	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long	772.500.000	-	772.500.000	-
Các khoản khác	25.387.688.650	-	25.890.833.037	-
	<b>49.731.917.887</b>	-	<b>50.235.062.274</b>	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	7.102.825.617	-	55.289.370.052	-
- Công cụ, dụng cụ	340.297.985	-	239.887.610	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.218.097.605.498	-	2.641.342.442.730	-
- Thành phẩm	4.213.980.270	-	1.214.952.578	-
- Hàng hóa	22.493.805	-	-	-
	<b>2.229.777.203.175</b>	-	<b>2.698.086.652.970</b>	-

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:		
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>		
28 tầng Lăng QTTL	588.750.242.455	965.552.370.593
Biệt thự 28-06 DA Nhơn Trạch	1.857.698.718	1.857.698.718
Dự án.BT1 đến BT6 Ngoại giao đoàn	297.285.179.000	890.598.229.000
Khu Ngoại giao đoàn	105.707.557.501	15.391.302.693
Khu đoàn ngoại giao-NO4A	122.715.932.670	-
DA Khu dân cư Nhơn Trạch, Đồng Nai	61.183.874.566	57.705.140.182
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>1.629.347.363.043</i>	<i>1.675.790.072.137</i>
Gói thầu 07- Đại học Thủy Lợi ( Hưng Yên)	13.240.856.823	-
Gói thầu Depo05	28.237.902.178	44.606.655.512
Dự án 2 tuyến đường ngân sách thành phố qua Dự án Ngoại giao đoàn	79.443.138.489	79.443.138.489
Gói thầu 31,33 DA239/05 BCA	7.715.924.073	7.715.924.073
Gói thầu 32, gói thầu 34 DA239/05 Bộ Công an	2.215.463.791	2.215.463.791
Dự án Khu nhà N01-NG, N02-NG Ngoại giao đoàn	59.195.100.000	59.195.100.000
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	112.981.525.475	99.914.769.216
Thi công biệt thự Xuân La Tây Hồ	1.280.286.541	348.341.238
Các công trình kiến trúc của Đề pô- Gói thầu CP5	345.077.502	10.427.851.345
Gói thầu số 3: Xây dựng khu tái định cư và Nhà ở thấp tầng Yên Sở, Hoàng Mai	779.415.400	1.242.693.591
Công trình Văn phòng điều hành Dự án CP5	1.069.151.278	1.070.761.278
Gói thầu số 6,2- Cải tạo Hồ 2	24.822.654.877	15.893.353.460
Gói thầu số 4- Đường nối kênh Giữa đoạn Bắc Thăng Long Văn Trì	233.775.751	197.748.432
CN 104 - Bệnh viện Đa khoa Yên Bái	14.721.841.911	2.836.443.961
CN 104 - CT1 Hoàng Cầu	11.380.686.943	19.104.720.767
CN 107- BTMV giai đoạn 3,4	6.039.851.251	8.551.002.625
CN107- BV đa khoa Yên Bái	11.046.018.784	185.551.823
CN 107- R5 HT Royal	2.933.270.243	4.036.580.401
CN 109- Báo hoa học trò	14.486.756.508	15.689.421.772
CN 118- Nhà điều hành khí tượng thủy văn	25.651.004.045	12.968.585.533
BĐH 87 Lĩnh Nam	10.910.955.019	4.773.825.389
Cơ quan - KTX đại học Quốc gia TPHCM	13.183.648.893	11.440.925.674
Đội 7- TT bồi dưỡng CB ngành TC Huế	18.449.977.863	12.530.672.830
Trung tâm TM Vincom HP	21.824.541.950	
Cao xanh	20.301.314.126	33.986.576.493
Công trình khác	1.126.857.223.329	1.227.413.964.444
	<b>2.218.097.605.498</b>	<b>2.641.342.442.730</b>

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Mua sắm		
Đầu tư đất Đông Anh		
- Xây dựng cơ bản	560.150.000	560.150.000
Dự án 2.6 Lê Văn Lương	519.991.536.427	354.344.955.974
Dự án 242 Minh Khai	498.448.016.881	333.018.453.858
Dự án Cầu Bươu	6.406.000	6.406.000
Động cơ Cầu thấp TCS013-MC80	40.523.636	40.523.636
Dự án Đầu tư nhà máy Gạch bê tông khí	170.000.000	170.000.000
Các công trình khác	20.983.595.226	20.908.317.796
	342.994.684	201.254.684
	<b>520.551.686.427</b>	<b>354.905.105.974</b>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	195.965.901.063	104.292.566.355	41.375.370.404	4.789.351.001	223.636.364	346.646.825.187
Số tăng trong năm	-	5.285.200.001	4.143.570.815	214.058.618	-	9.642.829.434
- Mua trong năm	-	5.285.200.001	4.143.570.815	214.058.618	-	9.642.829.434
Số giảm trong năm	(108.678.211.477)	(18.683.241.024)	(1.902.677.594)	-	-	(129.264.130.095)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(108.624.808.014)	-	-	-	-	(108.624.808.014)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.737.441.024)	(1.902.677.594)	-	-	(20.640.118.618)
- Giảm khác	(53.403.463)	54.200.000	-	-	-	796.537
Số dư cuối năm	87.287.689.586	90.894.525.332	43.616.263.625	5.003.409.619	223.636.364	227.025.524.526
Hao mòn TSCĐ						
Số dư đầu năm	37.664.587.479	87.375.161.577	28.371.700.100	3.659.270.377	220.800.000	157.291.519.533
Số tăng trong năm	5.496.700.155	6.910.657.368	6.678.379.661	786.927.909	-	19.872.665.093
- Khấu hao trong năm	5.496.700.155	6.910.657.368	6.673.550.116	786.927.909	-	19.867.835.548
- Tăng khác	-	-	4.829.545	-	-	4.829.545
Số giảm trong năm	(6.152.643.811)	(18.716.010.288)	(1.451.669.485)	(2.848.265)	-	(26.323.171.849)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(6.148.820.656)	-	-	-	-	(6.148.820.656)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.737.441.024)	(1.459.942.591)	-	-	(20.197.383.615)
- Giảm khác	(3.823.155)	21.430.736	8.273.106	(2.848.265)	-	23.032.422
Số dư cuối năm	37.008.643.823	75.569.808.657	33.598.410.276	4.443.350.021	220.800.000	150.841.012.777
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	158.301.313.584	16.917.404.778	13.003.670.304	1.130.080.624	2.836.364	189.355.305.654
Tại ngày cuối năm	50.279.045.763	15.324.716.675	10.017.853.349	560.059.598	2.836.364	76.184.511.749

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.265.617.992 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.973.795.479 đồng



12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.297.200.000	117.500.000	2.772.000.000	4.186.700.000
Số dư cuối năm	1.297.200.000	117.500.000	2.772.000.000	4.186.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	117.500.000	416.247.097	533.747.097
- Khấu hao trong năm	-	-	115.255.000	115.255.000
Số dư cuối năm	-	117.500.000	531.502.097	649.002.097
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.297.200.000	-	2.355.752.903	3.652.952.903
Tại ngày cuối năm	1.297.200.000	-	2.240.497.903	3.537.697.903

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại Văn phòng Tổng Công ty là Trung tâm thương mại khối 3 tầng tại dự án Tổ hợp chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long, nguyên giá: 150.500.134.170 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 9.042.145.158 đồng, khấu hao trong năm là: 3.201.595.415 đồng.

Bất động sản đầu tư tại Xí nghiệp Dịch vụ là các công trình như nhà trẻ, tầng hầm, khu bể bơi... tại dự án Tổ hợp chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long, nguyên giá: 118.204.444.542 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 6.468.141.811 đồng, khấu hao trong năm là: 2.595.235.031 đồng.

Bất động sản đầu tư tại Công ty CP Xây dựng Số 1 là trụ sở của Công ty tại số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nguyên giá và khấu hao lũy kế tại 31/12/2015 là 43.895.440.624 đồng và 24.451.356.137 đồng, khấu hao trong kỳ là: 2.582.088.000 đồng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.037.372.208	6.070.442.517
- Các khoản khác	67.390.908	-
	<u>2.104.763.116</u>	<u>6.070.442.517</u>
b) Dài hạn		
- Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (theo đánh giá cổ phần hóa)	138.225.217.766	154.273.838.555
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.305.940.208	1.703.940.908
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.821.225.453	41.102.790.928
- Các khoản khác	50.909.498.205	44.639.494.629
	<u>218.261.881.632</u>	<u>241.720.065.017</u>

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	802.702.203.141	802.702.203.141	887.472.191.448	939.835.810.022	749.656.068.567	749.656.068.567
Tại Công ty mẹ	440.369.995.929	440.369.995.929	402.885.486.494	427.869.341.472	414.703.624.951	414.703.624.951
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	134.233.504.234	134.233.504.234	146.065.004.440	158.080.595.979	122.217.912.695	122.217.912.695
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	184.500.000.000	184.500.000.000	204.821.384.069	248.293.518.727	141.027.865.342	141.027.865.342
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hà Nội)	-	-	23.591.708.401	-	23.591.708.401	23.591.708.401
Văn phòng Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	-	15.318.247.895	6.699.622.794	8.618.625.101	8.618.625.101
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hà Nội)	14.352.403.972	14.352.403.972	8.344.633.689	14.352.403.972	8.344.633.689	8.344.633.689
Công ty Xây dựng Quốc tế						
Vay cá nhân tại Văn phòng Tổng Công ty	52.792.881.997	52.792.881.997	4.398.250.000	438.200.000	56.752.931.997	56.752.931.997
Vay cá nhân tại Trung tâm Quản lý Điều hành Dự án Xây dựng	51.541.205.726	51.541.205.726	346.258.000	5.000.000	51.199.947.726	51.199.947.726
Vay cá nhân tại Công ty Xây dựng Quốc tế	2.950.000.000	2.950.000.000	-	-	2.950.000.000	2.950.000.000
Tại Công ty CP Xây dựng số 1	245.545.247.983	245.545.247.983	408.999.815.684	405.493.631.620	249.051.432.047	249.051.432.047
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	199.337.789.290	199.337.789.290	402.480.557.797	395.213.296.334	206.605.050.753	206.605.050.753
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Vạn Xuân	19.030.000.000	19.030.000.000	-	150.000.000	18.880.000.000	18.880.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.415.348.364	4.415.348.364	-	4.415.348.364	-	-
Đối tượng khác	22.762.110.329	22.762.110.329	6.519.257.887	5.714.986.922	23.566.381.294	23.566.381.294
Tại Công ty Cổ phần Hancorp	53.048.376.124	53.048.376.124	34.079.222.552	52.748.376.124	34.379.222.552	34.379.222.552
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	49.748.376.124	49.748.376.124	32.079.222.552	49.748.376.124	32.079.222.552	32.079.222.552
Đối tượng khác	3.300.000.000	3.300.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Tại Công ty Cổ phần Hancorp 2	17.614.263.729	17.614.263.729	4.907.207.592	5.191.404.609	17.330.066.712	17.330.066.712
Vay ngắn hạn	17.614.263.729	17.614.263.729	4.907.207.592	5.191.404.609	17.330.066.712	17.330.066.712
Tại Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	-	-	6.800.102.425	1.496.274.405	5.303.828.020	5.303.828.020
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hà Nội)	-	-	2.800.102.425	1.496.274.405	1.303.828.020	1.303.828.020
Ông Trần Việt Hưng	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000

10/12/2015



Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	46.124.319.376	46.124.319.376	29.800.356.701	47.036.781.792	28.887.894.285	28.887.894.285
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	17.785.142.758	17.785.142.758	25.797.449.956	25.625.238.380	17.957.354.334	17.957.354.334
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Tây Hồ	607.319.955	607.319.955	-	200.000.000	407.319.955	407.319.955
Công ty CP Tây Hồ Bách	2.734.880.130	2.734.880.130	145.608.333	1.750.000.000	1.130.488.463	1.130.488.463
Công ty CP Bất động sản Petrolimex	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
Vay cá nhân	15.254.245.000	15.254.245.000	3.857.298.412	16.351.543.412	2.760.000.000	2.760.000.000
Các đối tượng khác	6.742.731.533	6.742.731.533	-	110.000.000	6.632.731.533	6.632.731.533
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.114.171.875	1.114.171.875	61.548.277.490	1.114.171.875	61.548.277.490	61.548.277.490
Tại Công ty mẹ	-	-	61.356.277.490	-	61.356.277.490	61.356.277.490
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên)	-	-	61.356.277.490	-	61.356.277.490	61.356.277.490
Tại Công ty CP Xây dựng số 1	1.114.171.875	1.114.171.875	-	1.114.171.875	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	1.114.171.875	1.114.171.875	-	1.114.171.875	-	-
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	-	-	192.000.000	-	192.000.000	192.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	192.000.000	-	192.000.000	192.000.000
<b>803.816.375.016</b>	<b>803.816.375.016</b>	<b>949.020.468.938</b>	<b>940.949.981.897</b>	<b>811.204.346.057</b>	<b>811.204.346.057</b>	<b>811.204.346.057</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn						
Tại Công ty mẹ						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hàn Thuyên	371.839.376.532	371.839.376.532	364.036.795.779	119.756.519.596	616.119.652.715	616.119.652.715
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB bank)	41.382.090.090	41.382.090.090	212.759.066.490	-	254.141.156.580	254.141.156.580
Tại Công ty CP Xây dựng Số 1	-	-	131.356.277.490	-	172.738.367.580	172.738.367.580
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	319.099.753.511	319.099.753.511	81.402.789.000	-	81.402.789.000	81.402.789.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.114.171.875	1.114.171.875	151.085.729.289	118.908.727.227	351.276.755.573	351.276.755.573
Tại Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	317.985.581.636	317.985.581.636	19.261.370.921	1.274.171.875	19.101.370.921	19.101.370.921
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	842.000.000	842.000.000	131.824.358.368	117.634.555.352	332.175.384.652	332.175.384.652
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	192.000.000	384.000.000	650.000.000	650.000.000
Tại Công ty Cổ phần Hancorp 2	842.000.000	842.000.000	192.000.000	384.000.000	650.000.000	650.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10.515.532.931	10.515.532.931	-	463.792.369	10.051.740.562	10.051.740.562
<b>371.839.376.532</b>	<b>371.839.376.532</b>	<b>364.036.795.779</b>	<b>119.756.519.596</b>	<b>616.119.652.715</b>	<b>616.119.652.715</b>	<b>616.119.652.715</b>
(1.114.171.875)	(1.114.171.875)	-	(61.548.277.490)	(61.548.277.490)	(61.548.277.490)	(61.548.277.490)
<b>370.725.204.657</b>	<b>370.725.204.657</b>	<b>370.725.204.657</b>	<b>554.571.375.225</b>	<b>554.571.375.225</b>	<b>554.571.375.225</b>	<b>554.571.375.225</b>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng





**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Tổng Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Tại Công ty mẹ			414.703.624.951	440.369.995.929
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	9,5%-9,8%	Quyền đòi nợ	122.217.912.695	134.233.504.234
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sàigòn dịch 1	9,5%-9,8%	Tin chấp	141.027.865.342	184.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên) tại Văn phòng Tổng Công ty	7,6%-9,9%	Quyền đòi nợ	23.591.708.401	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	Điều chỉnh	Tin chấp	8.618.625.101	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên) tại Công ty Xây dựng Quốc tế	7,6%-9,9%	Quyền đòi nợ	8.344.633.689	14.352.403.972
Vay cá nhân tại Văn phòng Tổng Công ty	12,00%	Tin chấp	56.752.931.997	52.792.881.997
Vay cá nhân tại Trung tâm Quản lý Điều hành Dự án Xây dựng	Không tính lãi	Tin chấp	51.199.947.726	51.541.205.726
Vay cá nhân tại Công ty Xây dựng Quốc tế	Điều chỉnh	Tin chấp	2.950.000.000	2.950.000.000
Tại Công ty CP Xây dựng Số 1			249.051.432.047	245.545.247.983
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	9,5%-9,8%	Quyền đòi nợ	206.605.050.753	199.337.789.290
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Vạn Xuân	0,00	Tin chấp	18.880.000.000	19.030.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10%-11%	Tin chấp	-	4.415.348.364
Đối tượng khác	10%-11%	Tin chấp	23.566.381.294	22.762.110.329
Tại Công ty Cổ phần Hancorp			34.379.222.552	53.048.376.124
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	Điều chỉnh	Tài sản	32.079.222.552	49.748.376.124
Đối tượng khác	Không tính lãi	Tin chấp	2.300.000.000	3.300.000.000
Đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Hancorp 2			17.330.066.712	17.614.263.729
Đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	7,6%-9,9%	Tin chấp	5.303.828.020	-
Đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	9,5%-10%	Tin chấp	28.887.894.285	46.124.319.376
			<b>749.656.068.567</b>	<b>802.702.203.141</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:  
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hàn Thuyên	9,9%	Không quá 36 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	Tài sản thuộc dự án Khu đoàn ngoại giao	102.738.367.580	41.382.090.090
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hàn Thuyên	10,5%	2017	Quyền đòi nợ	70.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB bank)	8,3%-8,8%	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Hợp đồng thế chấp quyền tài sản	81.402.789.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	Thỏa thuận	42 tháng kể từ	Tài sản	19.101.370.921	1.114.171.875
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Thỏa thuận	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản thuộc dự án	332.175.384.652	317.985.581.636
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13,50%	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản	650.000.000	842.000.000
Đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Hancorp 2				10.051.740.562	10.515.532.931
				<u>616.119.652.715</u>	<u>371.839.376.532</u>
				(61.548.277.490)	(1.114.171.875)
				<u>554.571.375.225</u>	<u>370.725.204.657</u>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a, Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	75.367.757.513	75.367.757.513	19.782.634.856	19.782.634.856
- Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	57.771.222.765	57.771.222.765	73.418.665.898	73.418.665.898
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng	30.001.478.381	30.001.478.381	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	34.914.076.453	34.914.076.453	-	-
- Công ty TNHH Đăng Đạo	7.197.768.011	7.197.768.011	3.999.691.547	3.999.691.547
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Linh Đô	16.353.090.143	16.353.090.143	16.300.001.506	16.300.001.506
- Phải trả các đối tượng khác	906.972.906.843	906.972.906.843	905.946.688.838	905.946.688.838
	<b>1.128.578.300.109</b>	<b>1.128.578.300.109</b>	<b>1.019.447.682.645</b>	<b>1.019.447.682.645</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	<b>113.312.659.604</b>	<b>113.312.659.604</b>	<b>49.407.170.398</b>	<b>49.407.170.398</b>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Bệnh viện nhi Trung ương	95.194.070.113	220.994.098.948
- Ban quản lý Dự án y tế trọng điểm - Bộ Y tế	118.821.969.000	-
- Ban quản lý dự án Đường liên Cảng Cái Mép-Thị Vải	17.132.223.900	25.982.240.900
- Ban Quản lý tiểu Dự án Phát triển đô thị Vinh	7.352.154.566	15.273.097.436
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	65.648.461.097	-
- Chi nhánh Xây dựng và Đầu tư Tây hồ số 10	2.377.603.364	-
- Xí nghiệp Xây dựng Số 2 - Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ	1.135.500.000	-
- Chi nhánh 5 - Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ	1.385.180.374	-
- Phải trả các đối tượng khác	707.845.497.557	848.699.376.170
	<b>1.016.892.659.971</b>	<b>1.110.948.813.454</b>



18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	37.241.224.864	149.821.834.183	161.436.159.677	7.597.666.523	32.949.238.828
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	95.556.500	95.556.500	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.441.712	12.122.664.716	32.879.634.941	35.845.780.260	1.902.594.593	1.1.029.672.278
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.946.012.753	624.429.207	867.285.161	2.407.400	1.700.291.904
- Thuế tài nguyên	-	508.294.698	-	-	-	508.294.698
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.091.063.390.307	16.917.144.428	136.199.670.472	-	971.780.864.263
- Các loại thuế khác	-	39.259.674.260	631.544.974	(437.049.742)	2.000.000	38.120.676.922
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.210.476.423	2.614.126.426	-	-	7.824.602.849
	29.441.712	1.187.351.738.021	203.584.270.659	334.007.402.328	9.504.668.516	1.063.913.641.742

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.246.906.473	572.789.357
- Trích trước chi phí các công trình xây dựng	376.903.944.251	317.722.248.930
- Trích trước chi phí các dự án Bất động sản	787.079.938.728	622.028.505.684
- Chi phí phải trả khác	1.008.543.154	1.797.159.225
	<u>1.168.239.332.606</u>	<u>942.120.703.196</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	578.957.038	871.461.639
Bảo hiểm xã hội	237.709.942	69.177.111
Bảo hiểm y tế	8.506.682	9.966.028
Bảo hiểm thất nghiệp	83.333.648	96.820.535
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	798.009.886	168.014.650
Phải trả Công ty Cổ phần Quốc tế VIGEBEA	7.886.062.222	-
Phải trả Dự án Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng LQTTL	3.470.592.374	7.537.265.465
Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa	5.119.935.318	-
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	7.200.000.000	7.200.000.000
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Sahabak	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hancorp	680.000.000	680.000.000
Phải trả Phí bảo trì chung cư C4-Xuân Đình	2.193.250.862	1.982.218.718
Nhận tiền góp vốn dự án Ngoại giao đoàn	24.555.248.000	22.223.091.000
Tiền đặt cọc mua căn hộ dự án 2.6 Lê Văn Lương	3.150.000.000	-
Phải trả cổ tức	13.989.644.765	13.613.001.139
Phải trả cho chủ đầu tư công trình Royal - tiện ích	7.690.061.338	6.577.463.143
Phải trả khác	159.474.981.948	176.993.453.836
	<u>242.116.294.023</u>	<u>243.021.933.264</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	-
	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ	32.772.728	-
	<u>32.772.728</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
- HD 386/2010 - Hạ tầng biệt thự Ngoại giao đoàn	-	14.099.400.000
- TTTM khối 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	184.375.942.307	188.323.715.221
- Doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án Bất động sản	367.863.632.778	91.129.497.051
- Doanh thu cho thuê nhà (Xí nghiệp Dịch vụ)	-	4.681.820
	<u>552.239.575.085</u>	<u>293.557.294.092</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	1.410.480.000.000	2.244.130.000	204.529.542.622	27.455.997.934	58.337.975.064	118.317.185.851	1.821.364.831.471
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	103.193.168.744	-	103.193.168.744
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.340.294.500	2.340.294.500
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.756.017.535	(41.830.565.428)	-	(35.074.547.893)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.164.367.387)	-	(2.164.367.387)
Số dư cuối năm nay	1.410.480.000.000	2.244.130.000	204.529.542.622	34.212.015.469	117.536.210.993	120.657.480.351	1.889.659.379.435

37  
HÀ NỘI

PHỤ LỤC  
PHỤ LỤC

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày 14 tháng 05 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Số tiền VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	81.000.000
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	5.413.630.964
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.413.630.964
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 225 đồng)	31.735.800.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Nhà nước (Bộ Xây Dựng)	1.393.996.080.000	98,83%	1.393.996.080.000	98,83%
Các cổ đông khác.	16.483.920.000	1,17%	16.483.920.000	1,17%
	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>100</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Từ 15/08/2014 đến 31/12/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	31.735.800.000	

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.048.000	141.048.000
- Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.048.000	141.048.000
- Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	34.212.015.469	27.455.997.934
	<b>34.212.015.469</b>	<b>27.455.997.934</b>

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	31/12/2015	01/01/2015
- Đô la Mỹ	USD	19.060,98	19.308,94
- LAK - Kíp Lào	LAK	83.240	83.297

**24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015
	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp vật tư	109.294.553.256
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.726.081.064
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.445.967.688.137
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.244.105.274.987
	<u>3.846.093.597.444</u>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015
	VND
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	106.516.251.865
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.069.789.769
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	1.274.583.478.395
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.186.367.328.939
	<u>3.586.536.848.968</u>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.891.696.707,0
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.466.873.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.908.040
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.520.230.095
	<u>45.914.708.175</u>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015
	VND
Lãi tiền vay	52.303.572.100
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	747.062.543
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.326.374
Chi phí tài chính khác	22.500.000
	<u>53.077.461.017</u>





**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	788.843.388
Chi phí nhân công	42.856.597.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.310.475.523
Chi phí dự phòng	(503.144.387)
Thuế, phí, và lệ phí	4.080.882.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.030.251.385
Chi phí khác bằng tiền	32.581.647.566
	<u>118.145.553.736</u>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015
	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.991.650.792
Thu nhập từ thu tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	10.649.439.209
Cho thuê văn phòng, địa điểm	1.439.877.502
Thu tiền nước thu các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	4.520.338.953
Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Hancorp5	3.500.000.000
Các khoản công nợ không phải trả	6.236.358.903
Thu nhập khác	4.034.910.050
	<u>32.372.575.409</u>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015
	VND
Chi phí tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	10.409.729.287
Khấu hao TSCĐ không dùng	244.491.882
Chi phí tiền nước chi hộ các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	4.358.556.739
Phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế, phạt khác	2.949.919.585
Chi phí khác	4.638.657.728
	<u>22.601.355.221</u>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015
	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	27.215.127.178
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty con	5.664.507.763
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	12.093.223.004
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(35.845.780.260)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>9.127.077.685</u>

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.936.413.750	1.641.467.750
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.936.413.750</b>	<b>1.641.467.750</b>

**b) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

	Năm 2015
	VND
- Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.294.946.000)
	<u>(1.294.946.000)</u>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty mẹ	103.193.168.744
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	103.193.168.744
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	141.048.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>732</u></b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.346.439.860
Chi phí nhân công	164.537.994.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.362.008.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.388.070.731.222
Chi phí khác bằng tiền	85.119.419.011
	<b><u>3.284.436.593.164</u></b>

### 35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	386.674.000.753	-	305.460.127.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.303.372.042.421	(49.731.917.887)	2.170.060.565.863	(50.235.062.274)
Các khoản cho vay	8.414.046.479	-	11.414.046.479	-
Đầu tư dài hạn	242.772.590.637	-	25.577.140.083	-
	<u>3.941.232.680.290</u>	<u>(49.731.917.887)</u>	<u>2.512.511.879.815</u>	<u>(50.235.062.274)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			VND	VND
Vay và nợ			1.365.775.721.282	1.174.541.579.673
Phải trả người bán, phải trả khác			1.371.694.594.132	1.262.469.615.909
Chi phí phải trả			1.168.239.332.606	942.120.703.196
			<u>3.905.709.648.020</u>	<u>3.379.131.898.778</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	386.674.000.753	-	-	386.674.000.753
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.251.008.446.534	2.631.678.000	-	3.253.640.124.534
Các khoản cho vay	8.414.046.479	-	-	8.414.046.479
Đầu tư dài hạn	-	242.772.590.637	-	242.772.590.637
	<b>3.646.096.493.766</b>	<b>245.404.268.637</b>	<b>-</b>	<b>3.891.500.762.403</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305.460.127.390	-	-	305.460.127.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.118.719.315.589	1.106.188.000	-	2.119.825.503.589
Các khoản cho vay	8.414.046.479	3.000.000.000	-	11.414.046.479
Đầu tư dài hạn	-	25.577.140.083	-	25.577.140.083
	<b>2.432.593.489.458</b>	<b>29.683.328.083</b>	<b>-</b>	<b>2.462.276.817.541</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	811.204.346.057	554.571.375.225	-	1.365.775.721.282
Phải trả người bán, phải trả khác	1.370.694.594.132	1.000.000.000	-	1.371.694.594.132
Chi phí phải trả	1.168.239.332.606	-	-	1.168.239.332.606
	<b>3.350.138.272.795</b>	<b>555.571.375.225</b>	<b>-</b>	<b>3.905.709.648.020</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	803.816.375.016	370.725.204.657	-	1.174.541.579.673
Phải trả người bán, phải trả khác	1.262.469.615.909	-	-	1.262.469.615.909
Chi phí phải trả	942.120.703.196	-	-	942.120.703.196
	<b>3.008.406.694.121</b>	<b>370.725.204.657</b>	<b>-</b>	<b>3.379.131.898.778</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

VND

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm	
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.251.508.987.227
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.059.592.329.618

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động Xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.244.105.274.987	1.445.967.688.137	156.020.634.320	-	3.846.093.597.444
Giá vốn hàng bán	(2.186.367.328.939)	(1.274.583.478.395)	(125.586.041.634)	-	(3.586.536.848.968)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>57.737.946.048</u>	<u>171.384.209.742</u>	<u>30.434.592.686</u>	-	<u>259.556.748.476</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ Tài sản không phân bổ					(175.289.409.887) 8.478.123.505.904
Tổng tài sản	-	-	-	-	<u>8.478.123.505.904</u>
Nợ phải trả không phân bổ					6.591.400.540.219
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	<u>6.591.400.540.219</u>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chính phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	
		VND	
Mua hàng hóa, dịch vụ			449.620.442.101
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết		5.565.041.980
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết		13.754.035.041
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết		-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Đầu tư khác		94.127.474.429
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết		92.116.910.628
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết		1.883.843.636
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết		2.048.229.900
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết		12.213.667.274
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết		33.579.189.501
Lãi ứng trước phải thu			3.657.395.000
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư khác		1.541.111.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết		297.297.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết		24.080.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết		258.396.000
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết		105.951.000
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Công ty liên kết		1.430.560.000
Cổ tức nhận được			35.549.633.333
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết		110.700.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết		5.991.960.000
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết		735.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	Công ty liên kết		600.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết		6.292.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết		1.323.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc Tế VIGEBEA	Công ty liên kết		20.496.373.333

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	Mối quan hệ	31/12/2015		01/01/2015	
		VND		VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng			69.555.100.637		50.382.756.017
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Công ty liên kết		349.600		349.600
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết		305.754.118		153.291.148
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	Đầu tư khác		4.903.558.079		4.754.873.079
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư khác		1.019.748.645		1.019.748.645
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết		28.634.741		28.634.741
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết		12.508.188.000		13.022.851.461
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết		143.699.975		139.836.975
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết		22.548.592.741		22.261.291.741
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	Đầu tư khác		306.101.250		306.101.250
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư khác		7.713.403.029		257.318.457
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết		9.101.874.415		241.446.415
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết		8.518.200		8.518.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết		3.279.040.332		257.227.808
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết		437.356.578		310.383.782
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết		22.771.200		22.771.200

**Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**  
57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	7.097.408.691	7.466.184.500
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	130.101.043	131.927.043
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>		<b>164.755.508.922</b>	<b>170.443.323.680</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	4.637.444.209	9.583.599.949
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	17.302.131.230	17.589.081.030
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	6.134.871.249	4.665.865.089
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Công ty liên kết	24.768.759.161	23.338.199.161
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	7.062.482.770	13.096.283.078
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	13.115.799.524	14.440.341.115
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	27.381.490.878	28.775.744.878
Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả	Công ty liên kết	1.318.860.903	1.318.860.903
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư khác	35.480.197.002	33.939.086.002
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	7.152.539.115	7.152.539.115
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	5.211.689.585	5.386.789.585
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	2.036.125.639	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	Đầu tư khác	6.473.927.000	6.473.927.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>261.974.282.307</b>	<b>218.071.474.718</b>
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty con	200.895.049.767	173.286.030.532
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	7.933.928.201	415.763.527
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	11.313.781.923	9.549.939.546
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	9.434.413.550	3.677.731.550
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	32.397.108.866	31.142.009.563
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>113.312.659.604</b>	<b>49.407.170.398</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.147.415.317	1.877.364.807
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	3.556.192.986	6.056.192.986
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	22.731.685.084	11.718.177.621
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	3.070.517.827	2.089.622.462
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	75.367.757.513	19.782.634.856
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	3.342.272.498	3.342.272.498
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	Công ty liên kết	4.096.818.379	4.540.905.168

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT

Năm 2015

VND

3.057.890.000

ƯU HẠN

TOÁN

TC

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

CHÍNH

TR

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 15/8/2014. Các công ty con, công ty liên kết không lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 15/8/2014 đến ngày 31/12/2014 nên Tổng Công ty không đủ cơ sở để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này. Do đó Tổng Công ty quyết định không trình bày số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (Trừ số liệu tại ngày 1/1/2015 trên Bảng cân đối kế toán)

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế và phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>						
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.410.480.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	1.410.480.000.000	
417	Quỹ đầu tư phát triển	15.050.387.149	411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	1.410.480.000.000	
418	Quỹ dự phòng tài chính	12.405.610.785	418	Quỹ đầu tư phát triển	27.455.997.934	(12.405.610.785)
						12.405.610.785

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Quang

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đậu Văn Diệu